

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Toan.
2. Ông Ngô Xuân Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 755/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1981; địa chỉ: 78 T, tổ 9, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: 304 P, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25-11-2018 và bản khai ngày 04-12-2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ K trình bày:

Bà và ông Phan Thanh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 14-02-2017. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Phan Thanh H đã không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh H.

Bà và ông Phan Thanh H không có con chung.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Phan Thanh H. Tuy nhiên, ông Phan Thanh H không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Phan Thanh H không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ K; bà Nguyễn Thị Mỹ K được ly hôn với ông Phan Thanh H; bà Nguyễn Thị Mỹ K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ K làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Phan Thanh H. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ K đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Ông Phan Thanh H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để bị đơn tham gia phiên hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Phan Thanh H đăng ký kết hôn ngày 14-02-2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay và bỏ mặc nhau.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để ông Phan Thanh H tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc bà Nguyễn Thị Mỹ K xin ly hôn nhưng ông Phan Thanh H

đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ K về việc ly hôn ông Phan Thanh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con: Bà Nguyễn Thị Mỹ K và ông Phan Thanh H không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ K là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ K.

Bà Nguyễn Thị Mỹ K được ly hôn ông Phan Thanh H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004257 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Nguyễn Thị Mỹ K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Mỹ K có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng ông Phan Thanh H vắng mặt tại phiên toà, nên ông có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai
(GCNKH số 05 ngày 14-02-2017);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền